TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2023/HNGĐ - ST Ngày 08 - 8 - 2023 V/v: Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1976

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Đức K, sinh năm 1968

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ liên hệ: Khu phố Y, thị trấn Y, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2023, bản tự khai ngày 17/4/2023, ngày 21/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đức K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/1997 tại Ủy ban nhân dân

xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Chị và anh K đã sống ly thân từ ngày 15/01/2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức K.

- Về con chung: Chị và anh K có 1 con chung là Lê Đức A, sinh ngày 07/11/1997. Hiện nay con đã thành niên và tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị H. Tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đối với anh Lê Đức K:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Lê Đức K. Nhưng trong thời hạn quy định anh K không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 21/6/2023, anh Lê Văn C1 là anh trai của anh Lê Đức K trình bày:*

Anh Lê Đức K là em trai của anh. Năm 1997 anh K kết hôn với chị Lê Thị H quê ở xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh K và chị H chung sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh K và chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh được biết là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh K cho rằng chị H có người đàn ông khác. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, do bố mẹ anh đã chết nên anh K về ở cùng với gia đình anh, sau đó anh K vào Đắk Lắk làm ăn, địa chỉ cụ thể anh không biết. Anh K thường xuyên liên lạc về với gia đình anh. Anh đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo ngay lại cho anh K biết. Anh K trao đổi với anh như sau:

Về hôn nhân: Anh K mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị H có 1 con chung là Lê Đức A, sinh ngày 07/11/1997. Hiện nay cháu đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/5/1997, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh K.

+ Về con chung: Chị H và anh K có 1 con chung là Lê Đức A, sinh ngày 07/11/1997. Hiện nay cháu đã thành niên và lập gia đình nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Đức K có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã V, huyện Cg, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H và anh K là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đức K dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không còn niềm tin với nhau từ đó ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh K là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh K có 1 con chung là Lê Đức A, sinh ngày 07/11/1997, đã thành niên và lập gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều

238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Đức K.

2. Về con chung: Chị H và anh K có 1 con chung là Lê Đức A, sinh ngày 07/11/1997, đã thành niên và lập gia đình nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007254 ngày 12/4/2023. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt chị H và anh K. Chị H và anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã V;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà